

Liên ngành và khai phóng để đổi mới giáo dục nghệ thuật trong giai đoạn hiện nay

Phan Thanh Sơn*

Liên ngành và khai phóng trong giáo dục nghệ thuật

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, nhấn mạnh “giáo dục là quốc sách hàng đầu” và xác định, phát triển nguồn nhân lực trong xu thế chuyển đổi mô hình phát triển trên thế giới, từ dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên sang kinh tế tri thức, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số. Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngành giáo dục Việt Nam đã có nhiều đổi mới, mang tính đột phá và toàn diện.

Ngày 22-8-2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW, “Về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”, nêu rõ quan điểm: “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng”. Nghị quyết cũng đề ra mục tiêu đến năm 2030, “nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng”...

Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học ở Việt Nam đang từng bước tiến tới tự chủ, đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập, liên ngành và khai phóng. Khái niệm “liên ngành”, “khai phóng” được đề cập đến trong chiến lược phát triển của nhiều trường đại học. Trong đó, liên ngành trong giáo dục được hiểu là phương pháp tích hợp kiến thức, phương pháp và tư duy từ hai hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết một vấn đề, chủ đề hoặc dự án cụ thể. “Đào tạo theo hướng liên ngành, xuyên ngành được hiểu là tích hợp các lĩnh vực khác nhau trong cùng một ngành đào tạo, để qua đó trang bị cho người học các kiến thức chuyên ngành, đa ngành và đa lĩnh vực, các kỹ năng nghề nghiệp tổng hợp để người học dễ dàng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Đào tạo liên/xuyên ngành đáp ứng tốt về mặt thời gian, khối kiến thức để tạo các chương trình đào tạo mới mà vẫn bảo đảm đủ kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành”⁽¹⁾.

Giáo dục khai phóng được hiểu là khai minh và giải phóng bản thân để trở thành con người tự do. Tư tưởng cốt yếu của giáo dục khai phóng là khai mở ra những điều mới mẻ, khai thác tối đa tư duy sáng tạo của mỗi cá nhân, giải phóng tư duy và năng lực, tạo điều kiện cho họ phát huy hết khả năng, trở thành một công dân có ích cho xã hội⁽²⁾. Khai phóng là khai mở tâm trí và giải phóng tiềm năng. Khi tâm và trí được khai mở, việc giải phóng hết tiềm năng để thăng hoa trong công việc và cuộc sống sẽ là điều hiển nhiên⁽³⁾. Giáo dục khai phóng là một triết lý giáo dục nhấn mạnh đến việc phát triển toàn diện con người, bao gồm cả kiến thức, kỹ năng và thái độ. Bên cạnh tập trung vào truyền đạt kiến thức chuyên ngành, giáo dục khai phóng sẽ giúp các cá nhân phát triển toàn diện khả năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp hiệu quả và tư duy sáng tạo.

* Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp.

Liên ngành trong đào tạo thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng truyền thống

Mỹ thuật ứng dụng là một loại hình nghệ thuật luôn có sự song hành tồn tại của hai yếu tố, cái đẹp thẩm mỹ và cái đẹp công năng trong một tác phẩm. Sáng tạo nghệ thuật mỹ thuật ứng dụng gắn liền với thẩm mỹ thực dụng, nhưng để tồn tại và phát triển nghệ thuật mỹ thuật ứng dụng cũng như các loại hình nghệ thuật khác, giữa chúng luôn có quan hệ hữu cơ trong sự biểu đạt ngôn ngữ hình tượng đặc trưng của mình. Trong mối quan hệ liên ngành, khai phóng, nghệ thuật thiết kế mỹ thuật ứng dụng có tính độc lập tương đối, nhưng cũng có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại với các nghệ thuật khác, cũng như các ngành khoa học tự nhiên và xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển công nghệ hiện nay, các loại hình nghệ thuật khó có thể tồn tại độc lập, mà luôn có sự kết hợp cùng các loại hình nghệ thuật khác theo các thuộc tính chung nhất.

Trong đào tạo thiết kế mỹ thuật ứng dụng, thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng truyền thống là các ngành học có nguồn gốc từ các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, như sơn mài, gốm, trang sức..., trở thành những ngành đào tạo nền tảng hiện nay. Từ truyền thống đến hiện đại, qua những biến đổi thăng trầm của lịch sử, tính kế thừa truyền thống luôn được đề cao bên cạnh những cách tân của thời đại, trên nền tảng khoa học của thời đại đó. Từ truyền thống đến hiện đại trong mỹ thuật truyền thống luôn có các đặc tính: tính kế thừa, tính thời đại, tính công nghiệp, quyết định tới sự tồn tại hay không tồn tại không chỉ riêng thiết kế sản phẩm mỹ thuật truyền thống mà cả trong các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống.

Theo sự phân nhóm các loại hình nghệ thuật, mỹ thuật ứng dụng thuộc nhóm liên quan tới công dụng thực tế. Tuy nhiên trong thực tiễn, chương trình đào tạo mỹ thuật ứng dụng cũng có các chuyên ngành thuộc mỹ thuật, như điêu khắc, hội họa cùng cơ sở tạo hình khối trên mặt phẳng, trong không gian... Do đó, mỹ thuật ứng dụng cũng thuộc các nhóm nghệ thuật tạo hình, không gian, thị giác. Ngày nay, trong sự phát triển công nghệ, sáng tạo mỹ thuật ứng dụng còn phát triển thêm cả thính giác song hành cùng thị giác.

Với tư cách là một loại hình nghệ thuật mang bản chất thẩm mỹ của hình tượng nghệ thuật, mỹ thuật ứng dụng là sự tổng hòa của cái đẹp thẩm mỹ và cái đẹp công năng, biểu hiện ở cả hình thức thể hiện và nội dung phản ánh. Theo đó, tính liên ngành trong đào tạo thiết kế mỹ thuật ứng dụng nói chung, thiết kế mỹ thuật truyền thống nói riêng biểu hiện qua mối quan hệ với các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội.

Thứ nhất, liên ngành khoa học tự nhiên trong đào tạo thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng truyền thống là cơ sở khoa học cho hình thức thể hiện sản phẩm mỹ thuật ứng dụng trên mặt phẳng cũng như trong không gian, được cụ thể hóa qua chất liệu sử dụng, nguyên lý và sáng tạo thiết kế sản phẩm.

Với sáng tạo thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng truyền thống, các kiến thức toán học, lý học là cơ sở khoa học cho cấu trúc, kết cấu của hình thức thể hiện, dựa trên tính đặc trưng chất liệu sử dụng phù hợp với quy trình sản xuất.

Thứ hai, liên ngành khoa học xã hội trong đào tạo thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng truyền thống biểu hiện trong nội dung phản ánh của hình tượng nghệ thuật mỹ thuật

ứng dụng. Nội dung tác phẩm bao gồm hai yếu tố khách quan và chủ quan. Cuộc sống hiện thực (khách quan) được nghệ sĩ nhận thức và phản ánh vào tác phẩm, theo sự đánh giá và định hướng vươn tới những giá trị mới của nghệ sĩ (chủ quan). Cái khách quan được đưa vào tác phẩm thông qua cái chủ quan của tác giả. Theo đó, năng lực thẩm mỹ của chủ thể sáng tạo không chỉ quyết định hình thức thể hiện, mà còn quyết định cả nội dung phản ánh của tác phẩm nghệ thuật. Trước hết, là phản ánh tư tưởng tác phẩm, bắt nguồn từ các tư tưởng khoa học, triết học, chính trị, đạo đức, thể hiện bằng các hình tượng cụ thể. Tiếp đến là phản ánh chủ đề tác phẩm, gắn với tư tưởng tác phẩm. Tư tưởng tác phẩm càng sáng rõ và sâu sắc, cách giải quyết chủ đề càng có ý nghĩa. Đó là mối quan hệ biện chứng không thể tách rời giữa chủ đề tác phẩm và tư tưởng tác phẩm tương thích với hình thức nghệ thuật(4).

Như vậy, nội dung phản ánh của tác phẩm nghệ thuật phụ thuộc vào trình độ trí tuệ của nghệ sĩ, nhận thức thẩm mỹ từ các ngành khoa học xã hội khác như văn hóa, lịch sử, triết học, chính trị, đạo đức học... Trong sáng tạo nghệ thuật, bao giờ nghệ sĩ cũng đi từ nội dung đến hình thức, chính vì vậy, trong một tác phẩm nghệ thuật bao giờ hình thức cũng thống nhất với nội dung(5).

Khai phóng trong đào tạo mỹ thuật ứng dụng truyền thống qua mối quan hệ giữa mỹ thuật ứng dụng với các loại hình nghệ thuật khác

Nghệ thuật là một phương thức nhận thức độc đáo, không thể thay thế. Sự hình thành, vận động và phát triển của các loại hình nghệ thuật chịu sự tác động của hai phía, yêu cầu xã hội - con người và sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các loại hình nghệ thuật(6).

Thứ nhất, khai phóng trong đào tạo mỹ thuật ứng dụng truyền thống trong mối quan hệ với các ngành thiết kế mỹ thuật ứng dụng, biểu hiện qua tính thống nhất về ngôn ngữ thiết kế, nguyên lý thiết kế và quy tắc thẩm mỹ.

Ngôn ngữ thiết kế mỹ thuật ứng dụng là các thành tố biểu hiện nghệ thuật, như đường nét, hình khối, màu sắc gắn liền với chất liệu thể hiện cùng công năng cụ thể. Ngôn ngữ thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng gồm ngôn ngữ thiết kế mô phỏng, ngôn ngữ thiết kế kỹ thuật thể hiện bởi tư duy và kỹ năng thiết kế của nhà thiết kế. Hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn ngữ thiết kế.

Nguyên lý thiết kế là loại hình nghệ thuật thị giác, về nguyên lý gồm hài hòa, nhấn mạnh, cân bằng, nhịp điệu... Các yếu tố này gắn liền với nguyên lý kinh tế, bởi sản phẩm mỹ thuật công nghiệp đều có công năng hữu dụng và chức năng xã hội. Các nguyên lý này là cơ sở để thiết kế sản phẩm thống nhất về hình thức và nội dung, mang tính quy luật cụ thể.

Quy tắc thẩm mỹ công nghiệp gồm 6 quy tắc: Quy tắc kinh tế (tính hiệu quả, hợp lý, thời gian - chất lượng - giá thành gắn liền với thị hiếu và thị trường); quy tắc về giá trị công năng (bao hàm sự hài hòa công năng và hình thức); quy tắc thống nhất và bố cục (các bộ phận cấu thành một tổng thể hài hòa, hữu ích, nhưng phải bảo đảm nguyên lý bố cục có tính thẩm mỹ); quy tắc về phong cách gắn liền sự thích nghi thị hiếu với đặc trưng thẩm mỹ; quy tắc tiến hóa và tính tương đối (thẩm mỹ công nghiệp không có điểm kết thúc, nó

phát triển không có điểm dừng và bất biến, thể hiện sự vận động của sáng tạo nghệ thuật luôn vươn tới cái đẹp); quy tắc nghệ thuật hàm ý.

Thứ hai, khai phóng trong đào tạo mỹ thuật ứng dụng truyền thống qua mối quan hệ với các loại hình nghệ thuật khác, có thể hiểu là kết quả từ mối quan hệ này. Dựa vào những đặc điểm phản ánh, tồn tại và khả năng tác động đến người cảm thụ khác nhau, mỹ học Mác - Lê-nin phân nhóm các loại hình nghệ thuật, như nhóm loại hình nghệ thuật không gian và thời gian, nhóm loại hình nghệ thuật thính giác và thị giác, nhóm loại hình nghệ thuật tạo hình và biểu hiện...⁽⁷⁾.

Để làm rõ vấn đề này, cần dựa vào sự thống nhất biện chứng tất cả các yếu tố cấu trúc và biểu hiện đặc trưng của hình tượng nghệ thuật, làm cho hình tượng nghệ thuật có tính toàn vẹn. Trong đó, biểu hiện đặc trưng của hình tượng nghệ thuật, gồm tính cụ thể - cảm tính, khái quát hóa và điển hình hóa, sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, sự thống nhất giữa cái chủ quan và cái khách quan, tính ước lệ. Cấu trúc của hình tượng nghệ thuật, gồm ba cấp độ: *Cấp độ vật chất* là ngôn từ, âm thanh, màu sắc, ánh sáng, hình khối, đường nét, động tác, ... được người cảm thụ có thể cảm thụ bằng thị giác và thính giác đơn thuần; *cấp độ tâm lý* là cấp độ của tình cảm và xúc cảm nghệ thuật. Cấp độ này nằm bên trên tầng biểu hiện vật chất của hình tượng, xuyên qua tầng “vật chất” của nó, hình tượng đó gọi lên trong tâm lý, tình cảm người cảm thụ những ấn tượng nhất định tùy thuộc vào đời sống tâm lý, tình cảm của chủ thể cảm thụ. Nhờ cấp độ này mà các rung cảm, sự cảm nhận trong quá trình cảm thụ được mở rộng; *cấp độ tư tưởng - trù tượng*, sự hình thành hình tượng nghệ thuật ở cấp độ này dựa trên những thao tác lý trí - tình cảm cao và phụ thuộc vào mức độ nhận thức, năng lực cảm thụ của chủ thể thưởng thức⁽⁸⁾.

Thông qua đặc trưng và cấu trúc của hình tượng nghệ thuật, có thể tìm ra mối liên hệ khai phóng trong tư duy nghệ thuật thể hiện qua hình thức và nội dung phản ánh. Như trong quan hệ với văn chương, hình tượng nghệ thuật văn học không tồn tại ở dạng vật chất mà nằm trong trí tưởng tượng của người đọc, người nghe, nhưng nó là công cụ xây dựng hình tượng nghệ thuật từ quá trình tri giác thẩm mỹ. Nói cách khác, là sự hình thành hình tượng nghệ thuật trong tư duy thẩm mỹ, xây dựng hình tượng nghệ thuật trước và sau tác phẩm, chính là giá trị thẩm mỹ của hình tượng nghệ thuật. Còn ngôn ngữ nghệ thuật văn học là phương tiện giao tiếp giữa nghệ thuật ứng dụng với các chủ thể thẩm mỹ. Hay với các loại hình nghệ thuật không gian và thời gian, như kiến trúc, hội họa, điêu khắc..., dựa trên tính tương đồng trong quan hệ về ngôn ngữ thể hiện để khai phóng tư duy tạo hình, bảo đảm sự phối hợp trong tạo hình theo các nguyên tắc về bố cục: hài hòa, cân bằng, nhịp điệu để thể hiện rõ tính hình tượng của ý tưởng sáng tạo.

Một số giải pháp để liên ngành và khai phóng trong đào tạo mỹ thuật ứng dụng truyền thống

Được xem là mũi nhọn của ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam hiện nay, nhưng thực tế phát triển mỹ thuật ứng dụng vẫn còn một số hạn chế. Có tình trạng thừa nguồn nhân lực nhưng lại thiếu những bàn tay lành nghề, khả năng sáng tạo thiết kế thiếu đột phá⁽⁹⁾, đòi hỏi phải có những giải pháp hiệu quả từ các cơ sở giáo dục, đào tạo nghệ thuật.

Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định, giáo dục đại học là động lực dẫn dắt đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm phát triển nhân lực trình độ cao và đội ngũ trí thức tinh hoa. Để thực hiện liên ngành, khai phóng trong giáo dục đại học nói chung, đổi mới giáo dục nghệ thuật nói riêng, cần thực hiện một số giải pháp:

Một là, tái cấu trúc bên trong các cơ sở giáo dục nghệ thuật.

Quán triệt tinh thần "Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả" của Tổng Bí thư Tô Lâm, xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW phải bảo đảm "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền. Giảm số lượng, nâng cao chất lượng, tái cấu trúc bên trong các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng, triển khai mô hình quản trị số thông minh, bỏ khâu trung gian; xây dựng quỹ học bổng quốc gia và các chính sách hỗ trợ người học; triển khai mạnh mẽ chiến lược trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục, chuyển đổi số và phát triển trường học thông minh... Nâng tầm đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, bởi họ không chỉ quyết định chất lượng giáo dục, mà còn là chủ thể của đổi mới giáo dục⁽¹⁰⁾.

Hai là, ưu tiên ngân sách cho giáo dục.

Nghị quyết số 71-NQ/TW chỉ rõ: “Đổi mới căn bản cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp...”⁽¹¹⁾. Đồng thời cam kết bằng những con số cụ thể, như “chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi ngân sách nhà nước và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3% tổng chi ngân sách nhà nước”⁽¹²⁾. Nghị quyết cũng đặt mục tiêu, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông, phấn đấu ít nhất 2 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2035; ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045... Những mục tiêu cụ thể này không chỉ tạo áp lực thực thi, mà còn buộc toàn hệ thống giáo dục phải đổi mới trong tư duy quản trị, đánh giá và trách nhiệm giải trình.

Liên ngành để khai phóng mang bản chất của tinh thần "Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả" là thay đổi mô hình phát triển giáo dục, từ “hướng đến chuẩn đầu ra” sang “hướng đến phát triển con người toàn diện”; từ giáo dục phục vụ thi cử sang giáo dục khơi mở năng lực, nuôi dưỡng cảm hứng và trách nhiệm công dân. Việc ưu tiên ngân sách không đồng nghĩa với việc trông chờ vào ngân sách, mà cần tinh thần chủ động, tự giác của mỗi tổ chức, cá nhân trong môi trường giáo dục, từng cơ sở giáo dục và toàn xã hội.

Về tổ chức và nhân sự, các cơ sở giáo dục và đào tạo cần xây dựng bộ máy tinh gọn, cùng mô hình quản trị mới, loại bỏ khâu trung gian không cần thiết; thực hiện nhất thể hóa chức danh bí thư đảng ủy đồng thời là người đứng đầu cơ sở đào tạo để tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của tổ chức đảng trong đổi mới phát triển giáo dục nghệ thuật.

Về đào tạo và nghiên cứu khoa học, phát triển hệ thống mở liên ngành, đa dạng, hiện đại, gắn chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Chuyển từ mô hình đào tạo thiên về lý thuyết, học thuật sang mô hình kết nối học thuật với doanh nghiệp, hình thành mối quan

hệ chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn để khai phóng.

Về tài chính, đa dạng hóa nguồn lực, thu hút đầu tư xã hội, hình thành quỹ tài trợ, huy động vốn cộng đồng, ưu tiên tín dụng cho giáo dục nghệ thuật. Nâng cao đời sống của giảng viên và đội ngũ phục vụ đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Về hợp tác doanh nghiệp và quốc tế, thúc đẩy mối quan hệ cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để phát triển kinh tế giáo dục gắn liền với lợi ích của doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp, nhất là đào tạo kỹ năng công nghệ cao gắn với thực tiễn sản xuất. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết với các cơ sở đào tạo để thành lập cơ sở đào tạo của doanh nghiệp, đẩy mạnh liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên.

Nghị quyết 71-NQ/TW đã đặt ra các định hướng cụ thể để hệ thống giáo dục quốc dân không chỉ cơ bản được hoàn thiện theo hướng mở, liên thông liên ngành, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập suốt đời của người dân mà còn đặt ra yêu cầu cấp bách phải thực hiện "Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả". Đây là con đường đúng đắn để giáo dục nghệ thuật nói chung, giáo dục đào tạo mỹ thuật ứng dụng và mỹ thuật ứng dụng truyền thống nói riêng hiện thực hóa được tính liên ngành để khai phóng năng lực sáng tạo, để tồn tại và phát triển bền vững./.

(1) Thu Lương, Ngọc Nam: “Xu thế giáo dục thời đại 4.0 - Đào tạo liên ngành, xuyên ngành”, *Ban Văn hóa - xã hội và dân tộc, Đài Tiếng nói Việt Nam*, ngày 19-4-2024, <https://vov2.vov.vn/giao-duc-dao-tao/xu-the-giao-duc-thoi-dai-40-dao-tao-lien-nganh-xuyen-nganh-48012.vov2>

(2) Xem: “Giáo dục khai phóng là gì? Mô hình, triết lý và tư duy khai phóng”, *Học viện Quản lý PACE*, <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/giao-duc-khai-phong>

(3) Bùi Vân: “Nền tảng nhân tính - quốc tính - cá tính”, *Báo Thanh niên điện tử*, <https://thanhnien.vn/hoc-dai-hoc-de-lam-gi-ong-gian-tu-trung-hoc-dai-hoc-va-lam-nguoi-185230205215103451.htm>

(4), (5), (6), (7), (8) Nguyễn Văn Huyền (chủ biên): *Giáo trình Mỹ học đại cương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 242-244, 246, 258, 256-257, 230-238

(9) Hương Sen: “Tìm hướng đi cho thị trường mỹ thuật ứng dụng”, *Báo Quân đội nhân dân điện tử*, ngày 4-10,2022, <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/tim-huong-di-cho-thi-truong-my-thuat-ung-dung-70712610>

(10), (11), (12) “Toàn văn: Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”, *Báo điện tử Chính phủ*, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-71-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-119250828110759964.htm>